TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỘC BÌNH** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 55/2023/HS-ST Ngày 28-9-2023	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Giáp Thanh Long

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Vận

Bà Hoàng Thị Giang

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Nhưỡng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Bà Phương Thị Tiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 48/2023/TLST-HS, ngày 11 tháng 9 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2023/QĐXXST-HS, ngày 15 tháng 9 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Nông Thị Tr, sinh ngày 10 tháng 10 năm 1954 tại huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn C, xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; trình độ học vấn: 3/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn N (đã chết) và bà Vi Thị B (đã chết); có chồng là Hoàng Văn L và 04 con (con lớn nhất sinh năm 1975, con nhỏ nhất sinh năm 1982); tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo tạm giữ từ ngày 31/5/2023 đến ngày 09/6/2023 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt;

2. Lành Văn T, sinh ngày 11 tháng 02 năm 1978 tại huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn N, xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; trình độ học vấn: 2/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lành Đức T (đã chết) và bà Lường Thị D (đã chết); có vợ là Lý Thị H và 02 con (con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2004); tiền án, tiền sự: Không. (Nhân thân: Tại Bản án số: 20/2015/HSST ngày 10/6/2015 Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xử phạt Lành Văn T 06 tháng tù về Tội đánh bạc, bị cáo đã chấp hành xong). Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt.

3. Trần Văn H, sinh ngày 21 tháng 10 năm 1984 tại huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn B, xã L , huyện B, tỉnh Lạng Sơn;

trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H1 và bà Sầm Thị D; có vợ là Tàng Thị P và 02 con (con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2014); tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, cho đến nay, có mặt.

4. Hoàng Văn L, sinh ngày 29 tháng 5 năm 1955 tại huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn C, xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; trình độ học vấn: 4/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn T (đã chết) và bà Lành Thị P (đã chết); có vợ là Nông Thị Tr và 04 con (con lớn nhất sinh năm 1975, con nhỏ nhất sinh năm 1982); tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt.

5. Hứa Văn T, sinh ngày 06 tháng 8 năm 1969 tại huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn S, thị trấn D, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; trình độ học vấn: 2/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hứa Văn A (đã chết) và bà Vi Thị Th (đã chết); có vợ là Vi Thị Đ và 02 con (con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 1995); tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt.

6. Nông Thị L, sinh ngày 17 tháng 7 năm 1976 tại huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn C, xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; trình độ học vấn: 1/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn C (đã chết) và bà Nông Thị P có chồng là Vi Văn T và 02 con (con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2002); tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt.

7. Vi Thị H, sinh ngày 04 tháng 01 năm 1983 tại huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn C, xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; trình độ học vấn: 5/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vi Văn Ph (đã chết) và bà Hoàng Thị N; có chồng là Lộc Văn H và 03 con (con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2008); tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt.

8. La Thị T, sinh ngày 20 tháng 4 năm 1991 tại huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn C, xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; dân tộc: Tày; giới tính:

Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông La Văn V và bà Hoàng Thị L; có chồng là Lường Văn L và 02 con (con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2016); tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt.

9. Lành Thị H, sinh ngày 25 tháng 4 năm 1984 tại huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn P, xã N, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lành Văn Q (đã chết) và bà Đàm Thị D (đã chết); có chồng là Hứa Văn H và 02 con (con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2009); tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt.

10. Vi Thị T, sinh ngày 13 tháng 4 năm 1973 tại huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn C, xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; trình độ học vấn: 11/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vi Văn C (đã chết) và bà Vi Thị N; có chồng là Lý Văn S và 02 con (con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2002); tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt.

11. Vi Thị B, sinh ngày 29 tháng 12 năm 1964 tại huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn C, xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; trình độ học vấn: 5/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vi Tiến V (đã chết) và bà Lộc Thị T; có chồng là và 02 con (con lớn sinh năm 1992, con nhỏ sinh năm 1993); tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt.

12. Vi Thị K, sinh ngày 06 tháng 02 năm 1988 tại huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn C, xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vi Văn D (đã chết) và bà Dương Thị L; có chồng là Lộc Văn C và 02 con (con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2014); tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 15 giờ 30 ngày 31/5/2023 tổ công tác Công an huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đang làm nhiệm vụ tại xã Q, huyện B thì phát hiện bắt quả tang tại nhà ông Hoàng Văn L có một nhóm đối tượng gồm hai

chiếu bạc đang có hành vi đánh bạc dưới hình thức chơi bài tổ tôm thắng thua bằng tiền gồm: Lành Văn T, Lành Thị H, Vi Thị T, Hứa Văn T, Vi Thị H, Nông Thị L, Nông Thị Tr, Vi Thị B, La Thị T, Hoàng Văn L, Trần Văn H, Vi Thị K. Thu giữ trên chiếu bạc thứ nhất là 2.800.000 đồng (hai triệu tám trăm nghìn đồng), chiếu bạc thứ hai là 4.120.000 đồng, (bốn triệu một trăm hai mươi nghìn đồng) thu giữ trên người các bị cáo số tiền 4.940.000 đồng (bốn triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng) gồm thu giữ trên người Lành Văn T 1.000.000 đồng (một triệu đồng), Lành Thị H 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng), Hứa Văn T 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng), Vi Thị H 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng), Hoàng Văn L 840.000 đồng (tám trăm bốn mươi nghìn đồng), La Thị T 1.000.000 đồng (một triệu đồng), Vi Thị B 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng) và thu giữ các công cụ phục vụ cho việc đánh bạc gồm: 03 (ba) bộ bài tổ tôm, 02 (hai) bàn tròn bằng gỗ, 12 (mười hai) ghế nhựa màu đỏ; 10 (mười) điện thoại di động các loại, 05 (năm) xe mô tô, 01 (một) xe điện. Tổ công tác đã niêm phong, tạm giữ tang vật, đồ vật liên quan và đưa tất cả về trụ sở để làm việc. Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân và của các bị cáo khác như sau: Khoảng 12 giờ 00 phút, ngày 31/5/2023 Nông Thị Tr đang ở nhà thì lần lượt có Vi Thị T, Vi Thị H, Nông Thị L, Lành Văn T, Hứa Văn T và Lành Thị H do quen biết với Nông Thị Tr nên đến nhà Nông Thị Tr chơi. Trong khi nói chuyện thì sáu người rủ nhau đánh bạc với hình thức chơi bài tổ tôm thắng thua bằng tiền và thống nhất với nhau mỗi ván ù sẽ bỏ ra 10.000 đồng (mười nghìn đồng) khi đủ 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng) thì nộp tiền hồ cho Nông Thị Tr, số tiền còn lại để mua đồ ăn, uống. Nông Thị Tr đồng ý rồi vào phòng chuẩn bị bàn, ghế và bộ bài tổ tôm để sáu người đánh bạc. Tuy nhiên các bị cáo chưa nộp 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng) tiền hồ cho Nông Thị Tr, các bị cáo đã sử dụng số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) để mua đồ ăn, uống trong lúc đánh bạc. Cả sáu người vào trong phòng đánh bạc còn Nông Thị Tr vẫn ngồi chơi ở phòng khách. Đến khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, lần lượt có La Thị T, Vi Thị K, Vi Thị B, Trần Văn H cũng đến nhà Nông Thị Tr. Mọi người đang ngồi chơi, nói chuyện thì Nông Thị Tr thấy trời nắng nóng nên rủ La Thị T, Vi Thị K, Vi Thị B và Trần Văn H đánh bạc với hình thức chơi bài tổ tôm thắng thua bằng tiền và 04 (bốn) người đồng ý. Các bị cáo thống nhất với nhau ai ù sẽ phải nộp 10.000 đồng (mười nghìn đồng) khi đủ 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng) thì nộp tiền hồ cho Nông Thị Tr. Tuy nhiên Nông Thị Tr yêu cầu mỗi người chơi nộp 20.000 đồng (hai mươi nghìn đồng) thì La Thị T, Vi Thị K, Vi Thị B, Trần Văn H đã nộp cho Nông Thị Tr tổng số tiền là 80.000 đồng (tám mươi nghìn đồng). Sau đó Nông Thị Tr vào phòng ngủ của Nông Thị Tr chuẩn bị bàn, kê ghế và bộ bài tổ tôm để đánh bạc, sau khi nộp tiền hồ xong, do thiếu người nên chưa chơi được. Cùng lúc này chồng của Nông Thị Tr là Hoàng Văn L về nhà nên Nông Thị Tr rủ Hoàng Văn L tham gia đánh bạc. Đến 15 giờ 30 cùng ngày khi mười hai bị cáo đang đánh bạc trên hai chiếu bạc khác nhau thì lực lượng chức năng phát hiện bắt quả tang theo đúng quy định của pháp luật như đã nêu ở trên.

Hình thức đánh bạc các bị cáo thống nhất thực hiện như sau: Mỗi chiếu các bị cáo chia làm 3 cặp, các cặp đôi ngồi đối diện nhau, khi chơi sử dụng bộ bài tổ tôm 120 quân, mỗi người được chia 15 quân bài, riêng người cầm chương được chia 16 quân bài, số bài còn lại để ở trên bàn, người chơi đánh bài theo vòng tròn, chơi bài cho đến khi có người ù là kết thúc ván bài hoặc chơi đến khi bốc hết số bài trên bàn mà không có ai ù cũng kết thúc ván bài. Khi chơi thì người cầm cái đánh một quân bài xuống phía tay phải, người ngồi cạnh tay phải nếu thấy quân bài đó sử dụng được thì sẽ nhận lấy và bỏ một quân bài khác trên tay xuống bên tay phải cho người ngồi cạnh bên phải, còn nếu không nhận quân bài đó thì người chơi sẽ bốc một quân bài trong số bài trên bàn và bỏ xuống một quân bài cho người chơi tiếp theo như trên. Trường hợp người cầm chương ù thì những người còn lại phải trả số tiền 30.000 đồng, người cặp đôi với người này không bị mất tiền, ngược lại nếu người chơi khác mà ù thì người cầm chương phải trả số tiền 30.000 đồng, những người chơi còn lại phải trả số tiền 20.000 đồng và người cặp đôi với người được ù cũng không bị mất tiền, nếu trong ván bài không có ai được ù thì người chơi không tính tiền thắng thua với nhau.

Chiếu bạc thứ nhất: Bị cáo Lành Văn T khi tham gia đánh bạc có số tiền 1.600.000 đồng (một triệu sáu trăm nghìn đồng), trong đó bị cáo sử dụng 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) để đánh bạc còn 1.000.000 đồng (một triệu đồng) không sử dụng để đánh bạc, Lành Văn T tham gia nhiều ván bạc, có ván thắng ván thua. Khi bị bắt Lành Văn T còn 560.000 đồng (năm trăm sáu mươi nghìn đồng) trên chiếu bạc, Lành Văn T bị thua 40.000 đồng (bốn mươi nghìn đồng). Bị cáo Hứa Văn T tham gia đánh bạc, sử dụng số tiền 1.100.000 đồng (một triệu một trăm nghìn đồng) để đánh bạc Hứa Văn T chơi nhiều ván bạc, có ván thắng ván thua, khi bị bắt số tiền trên chiếu bạc của Hứa Văn T là 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng), và cất trong túi quần đang mặc số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng), Hứa Văn T bị thua 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng). Bị cáo Vi Thị H tham gia đánh bạc, sử dụng số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng) để đánh bạc. Vi Thị H chơi nhiều ván bạc, có ván thắng ván thua, khi bị bắt số tiền trên chiếu bạc của Vi Thị H là 540.000 đồng (năm trăm bốn mươi nghìn đồng) và cất ở trong túi áo đang mặc số tiền 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng), Vi Thị H thắng số tiền 240.000 đồng (hai trăm bốn nghìn đồng). Bị cáo Nông Thị L tham gia đánh bạc, sử dụng số tiền 1.100.000 đồng (một triệu một trăm nghìn đồng) để đánh bạc, Nông Thị L chơi nhiều ván bạc, có ván thắng ván thua, khi bị bắt số tiền trên chiếu bạc của Nông Thị L là 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng), Nông Thị L thua số tiền 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng). Bị cáo Lành Thị H tham gia đánh bạc, sử dụng số tiền 900.000 đồng (chín trăm nghìn đồng) để đánh bạc, Lành Thị H tham gia chơi nhiều ván bạc, có ván thắng ván thua, khi bị bắt Lành Thị H cất trong túi quần đang mặc 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng), trên chiếu bạc có 550.000đ (năm trăm năm mươi nghìn đồng), Lành Thị H thắng số tiền 450.000 đồng (bốn trăm năm mươi nghìn đồng). Bị cáo Vi Thị T tham gia đánh bạc, sử dụng số tiền 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) để đánh bạc. Vi Thị T tham gia chơi nhiều ván bạc, có ván thắng ván thua, khi bị bắt Vi Thị T có 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) trên chiếu bạc,

Vi Thị T bị thua số tiền 450.000 đồng (bốn trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc của chiếu bạc thứ nhất là 5.300.000 đồng (năm triệu ba trăm nghìn đồng).

Chiếu bạc thứ hai: Bị cáo Nông Thị Tr là người khởi xướng, chuẩn bị công cụ gồm bàn, ghế, bộ bài và địa điểm để đánh bạc và thu tiền hồ với số tiền là 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng)/chiếu bạc, đối với chiếu bạc Nông Thị Tr tham gia, Nông Thị Tr thống nhất với Vi Thị B, La Thị T, Trần Văn H, Vi Thị K mỗi người nộp 20.000 đồng (hai mươi nghìn đồng), tính cả Nông Thị Tr thì đủ số tiền 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng), đối với chiếu bạc còn lại Nông Thị Tr chưa thu tiền hồ. Ngoài hành vi tổ chức đánh bạc bị cáo Nông Thị Tr còn trực tiếp đánh bạc, Nông Thị Tr sử dụng số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) để tham gia đánh bạc, đánh nhiều ván có ván thắng ván thua, khi bị bắt Nông Thị Tr có 760.000 đồng (bảy trăm sáu mươi nghìn đồng) để trên chiếu bạc, Nông Thị Tr thắng được 260.000 đồng (hai trăm sáu mươi nghìn đồng). Bị cáo Trần Văn H tham gia đánh bạc, sử dụng số tiền 2.200.000 đồng (hai triệu hai trăm nghìn đồng) để đánh bạc. Trần Văn H chơi nhiều ván bạc, có ván thắng ván thua, khi bị bắt Trần Văn H còn 1.170.000 đồng (một triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng) trên chiếu bạc, Trần Văn H đang thua số tiền 1.030.000 đồng (một triệu không trăm ba mươi nghìn đồng). Bị cáo Hoàng Văn L tham gia đánh bạc, sử dụng số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) để đánh bạc. Hoàng Văn L tham gia chơi nhiều ván bạc, có ván thắng ván thua, khi bị bắt Hoàng Văn L có 840.000 đồng (tám trăm bốn mươi nghìn đồng) cất trong ví trên người, số tiền trên chiếu bạc của Hoàng Văn L là 610.000 đồng (sáu trăm mười nghìn đồng), Hoàng Văn L thua bạc 50.000 đồng (năm mươi nghìn đồng). Bị cáo La Thị T tham gia đánh bạc, sử dụng số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng) để đánh bạc. La Thị T tham gia chơi nhiều ván bạc, có ván thắng ván thua, khi bị bắt La Thị T cất trong ốp lưng điện thoại 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), La Thị T đang thắng số tiền 920.000 đồng (chín trăm hai mươi nghìn đồng) để trên chiếu bạc. Bị cáo Vi Thị B tham gia đánh bạc, sử dụng số tiền 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) để đánh bạc. Vi Thị B tham gia chơi được nhiều ván có ván thắng ván thua, khi bị bắt Vi Thị B còn số tiền 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng) cất trong túi quần bên phải đang mặc, Vi Thị B thua 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng). Bị cáo Vi Thị K tham gia đánh bạc, sử dụng số tiền 360.000 đồng (ba trăm sáu mươi nghìn đồng) để đánh bạc. Vi Thị K chơi được nhiều ván bạc, có ván thắng ván thua, khi bị bắt Vi Thị K có 660.000 đồng (sáu trăm sáu mươi nghìn đồng) trên chiếu bạc, Vi Thị K thắng số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc của chiếu bạc thứ hai là 6.060.000 đồng (sáu triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng).

Tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 11.360.000 đồng (mười một triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng).

Về quá trình thu, tạm giữ, xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, ngoài việc tạm giữ tiền và thu giữ các vật chứng khác phục vụ cho việc đánh bạc của các bị cáo, Cơ quan cảnh sát điều tra đã tạm giữ 10 (mười) điện thoại di động các loại;

05 (năm) xe mô tô và 01 (một) xe điện. Quá trình điều tra làm rõ các xe mô tô, xe điện và điện thoại di động các loại không liên quan đến việc đánh bạc, tổ chức đánh bạc, ngày 16/8/2023 Cơ quan điều tra đã ra quyết định trả lại cho các chủ sở hữu hợp pháp.

Vật chứng của vụ án hiện chưa xử lý gồm: 03 (ba) bộ bài tổ tôm, mỗi bộ 120 quân; 02 (hai) bàn tròn bằng gỗ có chân gấp, đã cũ; 12 (mười hai) ghế nhựa màu đỏ có lưng tựa, đã cũ. Số tiền 11.860.000 đồng (mười một triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng).

Bản Cáo trạng số 51/CT-VKSLB ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Nông Thị Tr về tội Tổ chức đánh bạc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự và tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Lành Văn T, Trần Văn H, Hoàng Văn L, Hứa Văn T, Nông Thị L, Vi Thị H, La Thị T, Lành Thị H, Vi Thị T, Vi Thị B, Vi Thị K bị Viện kiểm sát nhân dân, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn truy tố về tội: Đánh bạc, quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự;

Tại phiên toà, bị cáo Nông Thị Tr thừa nhận hành vi tổ chức đánh bạc và đánh bạc, các bị cáo Lành Văn T, Trần Văn H, Hoàng Văn L, Hứa Văn T, Nông Thị L, Vi Thị H, La Thị T, Lành Thị H, Vi Thị T, Vi Thị B, Vi Thị K đều thừa nhận hành vi đánh bạc của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nông Thị Tr phạm tội: Tổ chức đánh bạc theo điểm a khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự và phạm tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự, các bị cáo Lành Văn T, Trần Văn H, Hoàng Văn L, Hứa Văn T, Nông Thị L, Vi Thị H, La Thị T, Lành Thị H, Vi Thị T, Vi Thị B và Vi Thị K phạm tội: Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Hình phạt chính: Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm a khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 55, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Nông Thị Tr từ 07 đến 09 tháng tù về tội Đánh bạc, từ 12 tháng đến 15 tháng tù về tội Tổ chức đánh bạc. Tổng hợp hình phạt đề nghị từ 19 tháng đến 24 tháng tù; Áp dụng: Khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, 50, 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Lành Văn T từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định; Áp dụng: Khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, 50, 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hứa Văn T đề nghị xử phạt bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo ấn định thời gian thử thách theo quy định; Áp dụng: Khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, 50, 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Trần Văn H, Hoàng Văn L, Nông Thị L, Vi Thị H, La Thị T, Lành Thị H, Vi Thị T, Vi Thị B và Vi Thị K. Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Văn H từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định. Đề nghị xử phạt các bị cáo Hoàng Văn L, Nông

Thị L, La Thị T và Vi Vi Thị H từ 09 đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định. Đề nghị xử phạt bị cáo Lành Thị H từ 08 đến 10 tháng tù, cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định. Đề nghị xử phạt bị cáo Vi Thị T, Vi Thị B và Vi Thị K từ 07 đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo ấn định thời gian thử thách theo quy định. Giao các bị cáo được hưởng án treo cho Ủy ban nhân dân các xã nơi các bị cáo thường trú giám sát, giáo dục.

Hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng do qua xác minh bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, không có tài sản riêng.

Xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, khoản 2, 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Tịch thu tiêu hủy: 03 (ba) bộ bài tổ tôm, mỗi bộ 120 quân; 02 (hai) bàn tròn bằng gỗ có chân gấp, đã cũ; (mười hai) ghế nhựa màu đỏ có lưng tựa, đã cũ là công cụ phương tiện phạm tội, không còn giá trị sử dụng. Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền: 11.360.000 đồng. Trả lại cho bị cáo Lành Văn T số tiền 1.000.000 đồng.

Án phí: Các bị cáo Nông Thị Tr, Lành Văn T, Trần Văn H, Hoàng Văn L, Nông Thị L, Vi Thị H, La Thị T, Lành Thị H, Vi Thị T, Vi Thị B và Vi Thị K được miễn án phí hình sự sơ thẩm do là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, bị cáo Hứa Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng, các bị cáo đều hối hận về hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức hình phạt thấp nhất cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về thẩm quyền, trình tự, thủ tục. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không khiếu nại quyết định, hành vi của người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo trước phiên tòa hôm nay phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang và những chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, do đó có căn cứ xác định: Khoảng từ 12 giờ 00 phút đến 15 giờ 30 phút ngày 31/5/2023 tại nhà của Nông Thị Tr, bị cáo Nông Thị Tr đã có hành vi khởi xướng, chuẩn bị công cụ, phương tiện, địa điểm tổ chức cho 02 chiếu bạc gồm Lành Văn T, Trần Văn H, Hoàng Văn L, Hứa Văn T, Nông Thị L, Vi Thị H, La Thị T, Lành Thị H, Vi Thị T, Vi Thị B và Vi Thị K (12 người)

đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức chơi bài tổ tôm cùng một lúc, thu lời bất chính số tiền 80.000 đồng (tám mươi nghìn đồng) và trực tiếp thực hiện hành vi đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức đánh bài tổ tôm cùng các bị cáo Trần Văn H, Hoàng Văn L, La Thị T, Vi Thị B và Vi Thị K. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 11.360.000 đồng (mười một triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng), trong đó: Số tiền của chiếu bạc thứ nhất là 5.300.000 đồng (năm triệu ba trăm nghìn đồng), số tiền của chiếu bạc thứ hai là 6.060.000 đồng (sáu triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng). Như vậy, hành vi của bị cáo Nông Thị Tr đã cấu thành tội Tổ chức Đánh bạc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự và tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ Luật Hình sự; các bị cáo Lành Văn T, Trần Văn H, Hoàng Văn L, Hứa Văn T, Nông Thị L, Vi Thị H, La Thị T, Lành Thị H, Vi Thị T, Vi Thị B và Vi Thị K đã cấu thành tội Đánh bạc, theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và đủ độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Các bị cáo nhận thức được hành vi tổ chức đánh bạc, đánh bạc trực tiếp xâm phạm đến an ninh trật tự tại địa phương và nếp sống văn minh của xã hội, là nguyên nhân gây ra nhiều loại tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện nên phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân: Tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra 12 bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Lành Thị H, Vi Thị T, Hứa Văn T, Vi Thị H, Nông Thị L, Vi Thị B, La Thị T, Hoàng Văn L, Trần Văn H và Vi Thị K phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị Nông Thị Tr, Lành Văn T, Lành Thị H, Vi Thị T, Vi Thị H, Nông Thị L, Vi Thị B, La Thị T, Hoàng Văn L, Trần Văn H và Vi Thị K là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Trước khi phạm tội các bị cáo Nông Thị Tr Lành Thị H, Vi Thị T, Hứa Văn T, Vi Thị H, Nông Thị L, Vi Thị B, La Thị T, Hoàng Văn L, Trần Văn H và Vi Thị K đều chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự, chưa bị xử lý vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật, là người có nhân thân tốt. Các bị cáo Vi Thị B, Hoàng Văn L, Vi Thị T có người thân trong gia đình là người có công với cách mạng được tặng Huân Chương kháng chiến nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nông Thị Tr có anh trai là liệt sỹ, bản thân bị cáo được Bộ trưởng Bộ y tế tặng Kỷ niệm chương do có nhiều thành tích đóng góp trong sự nghiệp dân số - kế hoạch hóa gia đình, gia đình bị cáo bố mẹ, anh chị đều đã chết hiện bị cáo là người trực tiếp thờ cúng liệt sỹ và gia đình, do vậy cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo với mức thấp nhất của khung hình phạt. Đối với bị cáo Lành Văn T là người có nhân thân

không tốt, đã từng bị xử phạt về hành vi đánh bạc nhưng đã được xóa án tích, bố của bị cáo là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba, vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Đối với bị cáo Nông Thị Tr là người khởi xướng, chuẩn bị công cụ, phương tiện, địa điểm, tổ chức cho 02 chiếu bạc thực hiện hành vi đánh bạc cùng một lúc, thu tiền hồ của những người tham gia đánh bạc và trực tiếp sử dụng số tiền 500.000 đồng tham gia đánh bạc, vì vậy bị cáo Nông Thị Tr phải chịu trách nhiệm của hai tội Tổ chức đánh bạc và tội Đánh bạc. Việc khởi xướng, chuẩn bị công cụ, phương tiện và thu tiền hồ của những người tham gia đánh bạc là do bị cáo Nông Thị Tr tự thỏa thuận với những người chơi, bị cáo Hoàng Văn L không biết việc này, do đó xác định Hoàng Văn L không đồng phạm với Nông Thị Tr về tội tổ chức đánh bạc.

[6] Đối với địa điểm đánh bạc tại nhà của Nông Thị Tr, là tài sản chung của vợ chồng bị cáo Hoàng Văn L và bị cáo Nông Thị Tr. Tuy nhiên bị cáo Hoàng Văn L không sinh sống cùng bị cáo Nông Thị Tr mà ở với gia đình con trai là Hoàng Văn Ch tại Thôn C, xã Q, huyện B nên người quản lý ngôi nhà là Nông Thị Tr.

[7] Về hình phạt chính: Đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng hành vi phạm tội của các bị cáo là ít nghiêm trọng, là đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều có vai trò là người thực hành, cùng cố ý thực hiện tội phạm. Vì vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự chung về tội danh, điều luật, phạm vi chế tài đối hành vi Đánh bạc. Đối với bị cáo Nông Thị Tr là người khởi xướng, chuẩn bị dụng cụ, phương tiện, địa điểm tổ chức 02 chiếu bạc cho các bị cáo tham gia đánh bạc do vậy bị cáo Nông Thị Tr phải chịu trách nhiệm hình sự thêm về tội Tổ chức đánh bạc. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử đánh giá *tính chất, mức độ phạm tội và sự tham gia phạm tội của từng bị cáo, áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân như đã phân tích ở trên để quyết định mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo.*

[8] Để cá thể hóa hình phạt cần phân loại nhóm các bị cáo phạm tội theo tính chất mức độ hành vi như sau:

[8].1 Nhóm 1: Bị cáo Nông Thị Tr là người với vai trò chính và tích cực nhất, có hành vi khởi xướng, chuẩn bị công cụ, phương tiện, địa điểm tổ chức đánh bạc và tham gia đánh bạc. Vì vậy, bị cáo Nông Thị Tr phải chịu mức hình phạt nghiêm khắc hơn so với các bị cáo khác. Xét thấy cần bắt bị cáo Nông Thị Tr phải chấp hành hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên khi lượng hình cần xem xét để giảm nhẹ phần nào cho bị cáo vì bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ.

[8].2 Nhóm 2: Gồm các bị cáo Lành Văn T có nhân thân xấu và Trần Văn H có số tiền đánh bạc nhiều nhất.

[8].3 Nhóm 3: Gồm các bị cáo Hoàng Văn L, Hứa Văn T, Vi Thị H, Nông Thị L, La Thị T có số tiền đánh bạc từ một triệu đồng trở lên.

[8].4 Nhóm 4: Gồm các bị cáo Lành Thị H, Vi Thị T, Vi Thị B, Vi Thị K có số tiền đánh bạc dưới một triệu đồng trở xuống.

[8].5 Hội đồng xét xử xét thấy: Các bị cáo của nhóm 2, 3, 4 đều có nơi cư trú rõ ràng, trình độ học vấn không cao, là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng đặc biệt khó khăn. Khi tại ngoại các bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách pháp luật, không vi phạm các điều mà pháp luật cấm; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt đi chấp hành hình phạt tù thì không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Xét thấy không cần bắt các bị cáo này phải chấp hành hình phạt tù, chưa cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định. Giao các bị cáo cho Uỷ ban nhân dân cấp xã, thị trấn nơi đang cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách là phù hợp với mức độ, tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra.

[9] Hình phạt bổ sung: Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã nơi các bị cáo sinh sống cho thấy các bị cáo đều làm ruộng tại vùng kinh tế khó khăn, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[10] Về xử lý vật chứng:

[10].1 Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra làm rõ các tài sản tạm giữ không liên quan đến vụ án, nên ngày 16/8/2023 Cơ quan điều tra đã ra quyết định trả lại tài sản cho các bị cáo là có căn cứ, Hội đồng xét xử không xem xét.

[10].2 Đối với 03 (ba) bộ bài tổ tôm, mỗi bộ 120 quân; 02 (hai) bàn tròn bằng gỗ có chân gấp, đã cũ; 12 (mười hai) ghế nhựa màu đỏ có lưng tựa, đã cũ, không có giá trị cần tịch thu để tiêu hủy.

[10].3 Đối với số tiền 11.360.000 đồng (đã qua giám định là tiền thật), gồm tiền thu giữ trên người các bị cáo và tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc được đựng trong 09 (chín) phong bì và được niêm phong mặt trước của mỗi phong bì tại vị trí niêm phong mới có chữ ký cùng tên của giám định viên, trợ lý giám định và đóng dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn. Cụ thể: 01 (một) phong bì được niêm phong dán kín, mặt trước phong bì có ghi " số tiền *"2.800.000đ"*, ký hiệu *"01"*; 01 (một) phong bì được niêm phong dán kín, mặt trước phong bì có ghi *"800.000đ"* Lành Thị H ký hiệu *"03"*; 01 (một) phong bì được niêm phong dán kín, mặt trước phong bì có ghi *"500.000đ"* Hứa Văn T ký hiệu *"04"*; 01 (một) phong bì được niêm phong dán kín, mặt trước phong bì có ghi *"700.000đ"* Vi Thị H ký hiệu *"05"*; 01 (một) phong bì được niêm phong dán kín, mặt trước phong bì có ghi "Trên bàn *4.120.000đ"* ký hiệu *"06"*; 01 (một)

phong bì được niêm phong dán kín, mặt trước phong bì có ghi "Trong ốp điện thoại T *1.000.000đ"* ký hiệu *"07"*; 01 (một) phong bì được niêm phong dán kín, mặt trước phong bì có ghi "Trong ví ông L *840.000đ,* ký hiệu *"08"*; 01 (một) phong bì được niêm phong dán kín, mặt trước phong bì có ghi "Vi Thị B *100.000đ,* ký hiệu *"09"; Biên lai thu tiền ngày 05/9/2023* của Chi cục thị hành án dân sự huyện B, tỉnh Lạng Sơn, số tiền 500.000 đồng do bị Hứa Văn T nộp tạm thu tiền thi hành án. Cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[11] Trả cho bị cáo Lành Văn T số tiền 1.000.000 đồng là số tiền bị cáo không sử dụng vào việc đánh bạc.

[12] Bị cáo Hứa Văn T bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Các bị cáo Nông Thị Tr, Lành Văn T, Trần Văn H, Hoàng Văn L, Nông Thị L, Vi Thị H, La Thị T, Lành Thị H, Vi Thị T, Vi Thị B và Vi Thị K là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[13] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[14] Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại các Điều 331; 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm a khoản 1 Điều 322 điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, 50, Điều 55, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nông Thị Tr; Căn cứ vào điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2, 5 Điều 65 Điều 17, Điều 50, 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lành Văn T; Căn cứ Khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, 50, 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hứa Văn T; Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2, 5 Điều 65, Điều 17, Điều, 50, 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Hoàng Văn L, Trần Văn H, Nông Thị L, Vi Thị H, La Thị T, Lành Thị H, Vi Thị T, Vi Thị B, Vi Thị K; Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 điểm, a khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nông Thị Tr phạm tội Tổ chức đánh bạc và Đánh bạc; Tuyên bố các bị cáo Lành Văn T, Hứa Văn T, Trần Văn H, Hoàng Văn L, Nông Thị L, Vi Thị H, La Thị T, Lành Thị H, Vi Thị T, Vi Thị B và Vi Thị K phạm tội Đánh bạc.

2. Về hình phạt chính:

2.1. Xử phạt bị cáo Nông Thị Tr 01 (một) năm tù về tội Tổ chức đánh bạc; 07 (bảy) tháng tù về tội Đánh bạc. Tổng hợp hình phạt là 01 (một) năm 07 (bảy) tháng tù, được trừ 09 (chín) ngày tạm giữ từ ngày 31/5/2023 đến ngày 09/6/2023. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

2.2. Xử phạt các bị cáo Lành Văn T, Trần Văn H 01 (một) năm tù tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/9/2023.

2.3. Xử phạt các bị cáo Hứa Văn T, Hoàng Văn L, Nông Thị L, Vi Thị H, La Thị T 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/9/2023.

2.4. Lành Thị H 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 (mười sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/9/2023.

2.5. Xử phạt các bị cáo Vi Thị T, Vi Thị B, Vi Thị K 07 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 (mười bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/9/2023.

Giao các bị cáo Lành Văn T, Vi Thị K, Hoàng Văn L, Nông Thị L, Vi Thị H, La Thị T, Vi Thị B, Vi Thị T cho Uỷ ban nhân dân xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Giao bị cáo Hứa Văn T cho Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện B, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Giao bị cáo Trần Văn H cho Ủy ban nhân dân xã L , huyện B, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Giao bị cáo Lành Thị H cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo, vì qua xác minh các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng.

4. Xử lý vật chứng:

4.1. Tịch thu tiêu hủy đối với 03 (ba) bộ bài tổ tôm, mỗi bộ 120 quân đã qua sử dụng; 02 (hai) bàn tròn bằng gỗ có chân gấp, đã cũ đã qua sử dụng; 12 (mười hai) ghế nhựa màu đỏ có lưng tựa, đã cũ đã qua sử dụng.

4.2. Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 11.360.000 (mười một triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng).

4.3. Tuyên trả bị cáo Lành Văn T số tiền 1.000.000 (một triệu đồng).

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 07/9/2023; Biên lai thu tiền số AA/2021/0005637, ngày 05/9/2023 (số tiền 500.000 đồng); Biên lai thu tiền số số AA/2021/00056375598, ngày 13/9/2023 (số tiền 11.860.000) của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lạng Sơn).

5. Án phí: Bị cáo Hứa Văn T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước. Các bị cáo Nông Thị Tr, Lành Văn T, Trần Văn H, Vi Thị H, Vi Thị B, Vi Thị K, Lành Thị H, La Thị T, Vi Thị T, Hoàng Văn L, Nông Thị L được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- CQTHAHS CA h.Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Giáp Thanh Long